TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 39/2023/HS – ST.
Ngày 26/10/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm *nhân dân*: Ông Y Yao BKrông và bà Nguyễn Thị Tuyết.- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Chức vụ: Thư ký Tòa án.- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: Bà Giản Thị Chung – Chức vụ: Kiểm sát viên.

- *Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần*: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ông Phạm Xuân Quyết- Chức vụ: Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm: Hội trường A- Tòa án nhân dân huyện Ea Kar; tại điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện E tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo: Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**. (Tên gọi khác: Hói); Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1996, tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk Nơi cư trú: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam, Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Hữu C, sinh năm 1966; Con bà: Hoàng Thị N1, sinh năm: 1973. Hiện sinh sống tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị cáo có vợ: Bế Thị Diệp Lsinh năm 2001; Có 03 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023), vợ con bị cáo hiện sống tại thôn F, xã C, huyện E Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 39/2021/HSST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";* Ngày 02/5/2022 đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 05/4/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện E quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 02 năm, ngày 09/4/2015 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E. *(Có mặt)*

- *Bị hại:*

+ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

+ Ông Tưởng Công H1; nơi cư trú: Thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nguyễn Đình T, nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà H Tren N2, nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

(Những người này vắng mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị C1; nơi cư trú: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Ngọc N3; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Văn V, nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Những người trên vắng mặt tại phiên tòa)*

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

-Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Cán bộ, chiến sĩ nhà tạm giữ công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hữu H là đối tượng không có việc làm ổn định. Do muốn có tiền tiêu xài, nên H có ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Khoảng 08^{h}00'ngày 19/7/2023 H đến nhà chị Phạm Thị B trú tại thôn I, xã E, huyện E chơi và ở lại ăn cơm trưa và uống rượu cùng ông Hà Văn M (chồng chị B) Khi H và anh M uống hết rượu thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 47F1-472.97 bằng cách nói dối là lấy xe đi mua rượu. H nói chị B đưa chìa khóa xe để H chở Hà Văn N4 (con chị B) đi lấy rượu. Chị B đồng ý giao xe cho H sau khi nhận được xe H chở N4 đến quán tạp hóa cách nhà chị B khoảng 01km, H nói: "Cháu *xuống mua rượu,* tí *chú quay lại chở".* Sau khi N4 xuống xe thì H điều khiển xe mô tô đến tiệm Honda của anh Nguyễn Ngọc N3 thuộc thôn A, xã C, huyện E cầm xe lấy số tiền 1.500.000 đồng.

Qua đấu tranh, Nguyễn Hữu H còn khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến nay, H còn 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10^{h}30' ngày 05/6/2023, tại rẫy mía thôn E, xã E, huyện E, H đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N3-5258 của bà H'Tren N5 dựng bên đường, sau đó H mang đến tiệm Honda của anh Nguyễn Ngọc N3 ở thôn A, xã C, huyện E để xe lại và mượn số tiền 600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08^{h}00' ngày 15/7/2023, tại bờ đập thuộc TDP E, thị trấn E, huyện E trong lúc ngồi nói chuyện với anh Tưởng Công H1 thấy anh H1 có xe mô tô biển số 79L5-5865 đang dựng trên đường, Nguyễn Hữu H hỏi mượn xe về nhà lấy cần câu để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Anh H1 tin tưởng đã đưa chìa khóa xe và Nguyễn Hữu H đã điều khiển xe đến tiệm phế liệu của anh Nguyễn Văn H2 ở thôn H, xã E, huyện E bán với giá 400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 17/7/2023 Nguyễn Hữu H đến nhà người quen ở thôn F, xã E, huyện E thì gặp Nguyễn Đình T hàng xóm sang chơi, Nguyễn Hữu H nói anh T cho mượn xe mô tô biển số 54S4-5213 để đi công việc. Khi anh T giao xe, thì Nguyễn Hữu

H điều khiển đến tiệm Honda của anh Nguyễn Văn V ở thôn D, xã E, huyện E cầm cố để mượn 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 698/KL-KTH35/KL-HĐ 334 ngày 27/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Moda, màu đỏ, biển số 47N3-5258, tại thời điểm ngày 05/6/2023 có giá trị là 2.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Polosh, màu sơn xanh biển số 79L5-5865, tại thời điểm ngày 15/7/2023 có giá trị là 1.800.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sky way, biển số 51S4-5213, tại thời điểm ngày 18/7/2023 có giá trị là 2.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đen xám, biển số 47F1-472.97, tại thời điểm ngày 19/7/2023 có giá trị là 9.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 45/CT - VKS ngày 06 tháng 10 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố Nguyễn Hữu H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hữu H từ 18 đến 24 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 06 đến 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, để tổng hợp hình phạt chung của 02 tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N3 số tiền 2.100.000 đồng

Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện E đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị C2 bà H Tren N2 anh Tưởng Công H1 và anh Nguyễn Đình T theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 19/9/2023 (BL132 đến 135)

Bị cáo Nguyễn Hữu H, bị hại Phạm Thị B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H2 không tham gia tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa Nguyễn Hữu H khai nhận: Do không có công việc làm, không có thu nhập, bị cáo nảy sinh ý định đi chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cho bản thân và hút ma túy, hàng ngày bị cáo đi lang thang, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt tài sản. Nên trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 19/7/2023, Nguyễn Hữu H đã liên tiếp thực hiện hành vi tiếp cận, làm quen các chủ sở hữu tài sản, tạo lý do để cho các chủ sở hữu tài sản tin tưởng và tự nguyện giao xe mô tô cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt và bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị B xe mô tô Sirius biển kiểm soát 47F1-472.97 trị giá 9.000.000 đồng; của anh Nguyễn Đình T xe mô tô Sky way, biển số 51S4-5213 trị giá 2.000.000 đồng và anh Tưởng Công H xe mô tô Polosh biển số 79L5-5865, trị giá 1.800.000 đồng. Ngoài các hành vi lừa đảo trên: Vào ngày 05/6/2023, tại rẫy mía thôn E, xã E, huyện E, Nguyễn Hữu H đã lợi dụng sự sơ hở của bà H'Tren N5 để xe mô tô bên lề đường không có người trông coi, bị cáo đã lén lút trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 47N3-5258 của bà H'Tren N5 trị giá là 2.000.000 đồng.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Hành vi lợi dụng lòng tin của các bị hại, bị cáo đưa ra các lý do để cho các bị hại tin tưởng là thật và đồng ý tự nguyện giao tài sản cho Nguyễn Hữu H mượn để bị cáo chiếm đoạt. Hậu quả xảy ra, bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô của chị Phạm Thị B, anh Nguyễn Đình T, anh Tưởng Công H1. Tổng giá trị tài sản là 12.800.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô của H'Tren N, trị giá 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Tại phiên tòa bị cáo nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp của công dân là thành quả, công sức lao động của người dân qua thời gian dài lao động, tiết kiệm mới có và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị pháp luật trừng trị thích đáng. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, với mục đích cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản đang thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác để mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp 03 lần thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", và 01 lần thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" của người khác. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự cho tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để lượng hình cho bị cáo.

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện cho bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Trong 04 lần bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong vụ án này, thì có 03 lần hành vi của bị cáo thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng chưa có hành vi nào bị pháp luật xử lý và bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và tái phạm với tình tiết tăng nặng theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, năm 2013 bị cáo còn bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản và hành vi cố ý gây thương tích với thời hạn 02 năm.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo đã cơ bản thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản phạm tội có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho các bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, con còn nhỏ. Cần áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo Nguyễn Hữu H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo là cần thiết.

[5] Đối với Nguyễn Ngọc N3, Nguyễn Văn V là người cầm xe mô tô mà bị cáo phạm tội để cho bị cáo mượn tiền, Nguyễn Văn H2 là người mua xe mô tô của bị cáo, bản thân những người này không biết là những tài sản này do bị cáo phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý những người này.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo đã chiếm đoạt của chị Phạm Thị B xe mô tô biển kiểm soát 47F1-472.97, anh Nguyễn Đình T xe mô tô biển kiểm soát 51S4-5213, anh Tưởng Công H1, xe mô tô biển kiểm soát 79L5-5865, bà H3Niê xe mô tô biển kiểm soát 47N3-5258, quá trình điều tra các tài sản trên đã được

thu hồi và trả lại cho các bị hại. Trong qua trình điều tra, tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào. Xét việc không yêu cầu bồi thường của các bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên trách nhiệm dân sự đối các bị hại không đặt ra để giải quyết.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã đưa đi cầm cố cho anh Nguyễn Ngọc N3 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-472.97, xe mô tô biển kiểm soát 47N3-5258 để lấy số tiền 2.100.000 đồng; cầm cố cho anh Nguyễn Văn V xe mô tô biển số 51S4-5213 để lấy 1.000.000 đồng và bán cho anh Nguyễn Văn H2 xe mô tô hiệu biển số 79L5-5865 lấy 400.000 đồng. Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn V không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này. Xét thấy việc không lấy lại số tiền này là tự nguyện, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với anh N3 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền mà anh N3 đã cho bị cáo mượn. Xét thấy, tại thời điểm bị cáo để lại xe mô tô chiếm đoạt của chị B và chị H T2 để mượn tiền, anh N3 không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên cần chấp nhận buộc bị cáo phải trả cho anh N3 số tiền 2.100.000 đồng là phù hợp

[6.2] Về xử lý vật chứng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô của chị Phạm Thị B, anh Nguyễn Đình T anh Tưởng Công H1 và chị H'Tren N5 Trong quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện E đã ra quyết định trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H: **01** *(Một)* năm **06** (Sáu*)* tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H: **08** *(*T3*)* tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cả 02 tội là **02** *(Hai)* năm **02** *(Hai)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2023.

II.Các biện pháp tư pháp:

-*Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải trả cho anh Nguyễn Ngọc N3 số tiền 2.100.000 đồng *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện E trả lại xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 47F1-472.97 cho bà Phạm Thị C1 trả xe mô tô biển số 51S4-5213 cho anh Nguyễn Đình T, trả xe mô tô biển số 79L5-5865 cho anh Tưởng Công H1 xe mô tô biển kiểm soát 47N3-5258 cho bà H'Tren N5.

III.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Hữu H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải nộp 500.000 đồng tiền án phí

IV. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- *-TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *-VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *-VKSND Huyện Ea Kar;*
- *-TANDTC*
- *-CQĐT - CA Huyện Ea Kar;*
- *-CQCSTHAHS - CA Huyện Ea Kar;*
- *-Chi cục THADS Huyện Ea Kar;*
- *-Bị cáo, đương sự;*
- *Lưu HS,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân